TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29A/2019/DS-ST
Ngày: 09/10/2019.
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Tuyết

2.Ông Hồ Đình Ghi

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Nguyên Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 181B đường Tôn Q, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2.Bị đơn: Ông Võ Xuân T, sinh năm 1971; địa chỉ: Phòng 205 Khu chung cư kiệt 81 đường Nguyễn H, phường Phú N, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày:

Do có quen biết trong quá trình làm ăn và biết ông Võ Xuân T là cán bộ công an giao thông thuộc công an thành phố Huế, nên ngày 19/01/2018 ông có cho ông Võ Xuân T vay số tiền 150.000.000 đồng, ông T cam kết sẽ trả lại vào ngày 19/3/2018. Để làm tin, ông T có đưa cho ông 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân tên Võ Xuân T có số hiệu 246-448. Đến hạn cam kết trả nợ, ông liên lạc với ông T nhưng ông T nói do đang gặp khó khăn nên chưa có tiền trả và hẹn khi nào làm thẻ đỏ lô đất thì sẽ bán đất để trả tiền cho ông. Tuy nhiên sau đó ông liên tục

liên lạc ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả. Ngày 28/5/2018, ông T đã lấy lại giấy chứng minh Công an nhân dân nhưng vẫn chưa trả tiền cho ông. Nên ông đã làm đơn gửi lên cơ quan Công an thành phố H và Công an tỉnh T thì được trả lời là ông T đã có quyết định xuất ngũ ngày 30/10/2018 và kèm hướng dẫn làm đơn khởi kiện tại Toà án để giải quyết.

Việc ông T không trả tiền đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông, nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Võ Xuân T phải trả lại cho ông 150.000.000 đồng.

Phía bị đơn- ông Võ Xuân T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay vẫn không đến làm việc, nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông Trần Quốc C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Xuân T phải trả cho ông số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền và xác định đúng những người tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 58, Điều 262 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn lần thứ hai, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn;

- Về nội dung*:* Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, 117, 119, 463, Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc C, buộc ông Võ Xuân T phải trả nợ cho ông Trần Quốc C số tiền là 150.000.000 đồng; buộc ông Võ Xuân T phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án thể hiện: Ông Võ Xuân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà phòng 205 Khu tập thể kiệt 81 đường Nguyễn H, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, nay ông T đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo thì thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về giao dịch vay tiền giữa các bên:* Ông Trần Quốc C và ông Võ Xuân T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngày 19/01/2018, ông C tự nguyện cho ông T vay 150.000.000 đồng, không tính lãi suất, giữa hai bên có lập thành văn bản và thỏa thuận đến ngày 19/3/2018 ông T trả lại tiền. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận giao dịch vay tiền giữa ông C và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự; xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[2.2] *Về yêu cầu khởi kiện:* Đến thời hạn trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng vay nhưng ông T không trả nợ dù ông C đã đòi nợ nhiều lần đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông C. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông T phải trả cho mình số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quốc C yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền lợi của ông. Tuy nhiên, ông không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có cơ sở, hơn nữa, quá trình Tòa án thẩm tra xác minh xét thấy chưa đủ điều kiện để áp dụng nên Tòa án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của ông C.

Phía bị đơn là ông Võ Xuân T cố tình vắng mặt, xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước Tòa.

Từ những căn cứ trên cho thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc Cbuộc ông Võ Xuân T phải trả 150.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí , nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 357, 463, 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ Luật dân sự ; Nghị quyết 326/2016//UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- ông Trần Quốc C

Buộc ông Võ Xuân T phải trả cho ông Trần Quốc C số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Buộc ông Võ Xuân T phải nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Quốc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/006181 ngày 11/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND TP Huế;*
- *TAND tỉnh TT Huế;*
- *Chi cục THADS TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu vp, hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mộng Trinh